

CYBOW™ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG QUE THỬ NƯỚC TIỂU CYBOW™ series



Que thử nước tiểu dùng để xác định nhanh các thành phần:

Urobilirubin, Glucose, Bilirubin, Ketones (Acetoacetic Acid), Specific Gravity, Blood, pH, Protein, Nitrite, Leukocytes và Ascorbic Acid trong nước tiểu.



Tóm Tắt và giải thích

Que thử Cybow được sử dụng đơn giản là nhúng que thử vào nước tiểu và đọc kết quả. Kết quả xét nghiệm có thể cung cấp thông tin về tình trạng của quá trình chuyển hóa carbohydrate thận và cân bằng gan Chức năng cơ sở axit và nhiễm trùng đường tiết niệu. nó được đo bằng cách so sánh của giấy thử nghiệm gắn liền với một dải nhựa với các khối biểu đồ màu được in trên nhãn lọ. các dải có thể được đọc bằng mắt. Que có thể đọc bằng máy phân tích nước tiểu

Cảnh báo và đề phòng

- Chỉ sử dụng ống nghiệm trong phân tích.
- Chỉ sử dụng cho người chuyên nghiệp.

Nguyên tắc hóa học của thủ tục và các thành phần

- Urobilinogen:** test thử được dựa theo phản ứng Ehrlich's. Màu thay đổi từ vàng cam nhẹ sang màu hồng.
- Thành phần: 4- Methoxybenzenediazonium 2.9mg.
- Glucose:** Quá trình oxy hóa đường từ hydrogen peroxide
- Thành phần: Gluco oxidase 430U ,peroxidase 200u , potassium iodide 12mg.
- Bilirubin:** hoặc động của khớp nối bilirubin với muối diazonium trong axit trung bình ở dạng Azodye. Màu thay đổi từ nhạt sang màu hồng.
- Thành phần: sodium nitrite 0.733mg , 2,4 dichlorobenze 2.3mg,sulfosalicylic acid 25 mg.
- Ketones:** Kiểm tra pháp lý phản ứng nitroprusside . Acetoacetic axit là một trong kiểm trung bình .
- Thành phần: sodium nitroprusside 23.0mg
- pH:** hệ thống chỉ tiêu tăng gấp đôi thay đổi màu từ vàng sang xanh (ph 5.0 – 9.0)
- Thành phần: Methyl red 0.05mg , Bromothymol xanh 0.5mg
- Blood :** dựa trên phản ứng Pseudo- peroxidase.
- Thành phần: cumene Hydroperoxide 12mg , 0- tolidine 35mg.
- Specific Gravity :** hắt hòa tan ion có trong nước tiểu proton gây được phát hành từ một polyelectrolyte .
- Thành phần: Bromothymol blue 0.5mg , Poly vinyl ether ALT maleic 140 mg
- Protein:** protein thông báo error của hiện thị .khi pH không thay đổi như một chất đệm.
- Thành phần: Tetrabromophenol blue 0.34mg
- Nitrite:** test thử dựa trên phản ứng diazotization của nitri aromatic amine .
- Thành phần: P- arsanilic acid 4.5mg
- Leukocyte:** thành phần : bao gồm amino acid 1.3mg
- Ascorbic acid:** thành phần: 2,6 dicloro indophenol sodium salt 0.8mg

Bảo quản và lưu trữ

Lưu trữ trong nhiệt độ 2^o-30^oC . Không lưu trữ que trong ngăn đá ,tránh ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Chú ý: khi nắp được mở thì thời hạn sử dụng 6 tháng.

Kiểm tra bằng mắt thường

Kiểm tra que với bảng màu trước khi nhúng vào nước tiểu.

1. Nhúng que vào nước tiểu hoàn toàn không quá 2 giây.
2. Nghiêng cạnh que thử thấm trên giấy thấm để rút nước tiểu còn sót lại trên que. Không thấm trên mặt que.
3. So sánh màu trên que thử với bảng màu trong hộp que sau 60 giây.

CYBOW™ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG QUE THỬ NƯỚC TIỂU

CYBOW™ series

Hạn chế của phương pháp

Như với tất cả xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, dứt khoát quyết định chẩn đoán hoặc điều trị không nên được dựa trên bất kỳ kết quả duy nhất của phương pháp. Chất gây màu nước tiểu bất thường có thể ảnh hưởng đến khả năng đọc của miếng thử nghiệm trong dây thuật thử phân tích nước tiểu.

Urobilinogen: sự vắng mặt của urobilinogen trong nước tiểu chưa xác định được điều gì. Các vùng thử nghiệm sẽ phản ứng với các chất gây nhiễu được biết đến như AZO sẽ làm sai màu que thử

Glucose: SG cao (> 1.020) với pH và ascorbic acid cao ($> 40\text{mg/dl}$) có thể gây ra kết quả âm tính giả ở mức độ thấp

Bilirubin: chất chuyển hóa của thuật, như pyridium và selenium, trong đó cung cấp một màu sắc ở PH thấp có thể gây dương tính giả

Ketones: kết quả dương tính có thể xảy ra với các mẫu nước tiểu có sắc tố cao, SG cao hoặc PH thấp trong nước tiểu có thể gây ra kết quả dương tính giả

pH: nếu nước tiểu quá mức là vẫn còn trên giá vì thủ tục kiểm tra không đúng cách, nó có thể làm các bộ đệm có tính axit trong phần protein xuất hiện và ảnh hưởng đến pH, sau đó kết quả pH sẽ giảm hơn so với thực tế.

Blood: SG cao hoặc protein trong nước tiểu có thể làm giảm các phản ứng của các phần xét nghiệm máu Specific gravity: nước tiểu kiềm cao đậm có thể gây ra kết quả giảm sút, trong khi nước tiểu có tính axit cao không đậm có thể gây hơi cao kết quả

Protein: kết quả dương tính giả có thể được tìm thấy trong nước tiểu mạnh pH, giải thích các kết quả này là khó khăn trong các mẫu nước tiểu đục.

Nitrite: ascorbic acid $> 30\text{mg/dl}$ có thể gây ra sai kết quả âm tính với mức độ thấp của nitrite. Kết quả âm tính không luôn luôn có nghĩa bệnh nhân không bị vi khuẩn niệu.

Leukocyt: các kết quả xét nghiệm có thể không luôn luôn phù hợp với số lượng tế bào bạch cầu của kính hiển vi. Nồng độ cao của đường, trọng lượng riêng cao, albumin cao, hiện diện của máu có thể gây ra.

Giá trị dự kiến

Urobilinogen: giá trị bình thường trong phạm vi từ 0.1-1.0 mg/dl. Nếu kết quả vượt quá nồng độ 2.0 mg/dl thì bệnh nhân và mẫu nước tiểu đó phải được đánh giá thêm.

Glucose: thận bình thường tiết ra một lượng nhỏ đường, nồng độ 100mg/dl có thể được coi là bất thường nếu xuất hiện nhất quán.

Bilirubin: bình thường không có bilirubin được phát hiện trong nước tiểu bởi ngay cả những phương pháp nhạy cảm nhất. thậm chí một lượng nhỏ bilirubin là đủ bất thường để điều tra thêm.

Ketones: bình thường ketone sẽ không được tìm thấy trong nước tiểu

pH: giá trị nước tiểu thường khoảng từ 5—9

Blood: bình thường không có hemoglobin được phát hiện trong nước tiểu, khi hemoglobin xuất hiện trong nước tiểu nó chỉ ra rằng bệnh thận hoặc rối loạn đường tiết niệu, thường tìm thấy máu trong nước tiểu phụ nữ ở kinh nguyệt

Specific gravity(SG): giá trị bình thường của SG trong nước tiểu từ 1.001 đến 1.035

Protein: mẫu nước tiểu bình thường thường chứa một số protein $< 20\text{mg/dl}$.

Nitrite: bình thường không có nitrite được phát hiện trong nước tiểu

Leukocyte: bình thường không có leukocyte được phát hiện trong nước tiểu

Ascorbic acid: lượng trung bình hàng ngày trong phạm vi từ 30-80mg.

CYBOW™

Series of Urine Reagent Strips



Ordering Information

100 Test Strips/Kit

Product Name	Ref No.	Test parameters
CYBOW G	0114	Glu
CYBOW 2GP	0204	Glu, Pro
CYBOW 2GK	0214	Glu, Ket
CYBOW 3	0304	Pro, pH, Glu
CYBOW 3GK	0314	Glu, Pro, Ket
CYBOW 45G	0414	Pro, Glu, SG, pH
CYBOW 5	3504	Glu, Ket, Pro, pH, Bld
CYBOW 65G	0614	Glu, Ket, Pro, pH, SG, Bld
CYBOW 7L	0714	Bld, SG, pH, Glu, Pro, Nit, Leu
CYBOW 10	0004	Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu
CYBOW 11	0994	Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu, AsA
CYBOW 10M	0034	(CP), Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu
CYBOW 11M	0974	(CP), Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu, AsA

- Glu(Glucose), Pro(Protein), pH(pH), Bld(Blood), Ket(Ketone), Nit(Nitrite), Bil(Bilirubin), Uro(Urobilinogen), SG(Specific Gravity), Leu(Leukocytes), AsA(Ascorbic Acid), CP(Compensation Pad)
- Sequence of test parameters from left side to right side on above chart correspond to the test parameters from top to bottom of the real test strips and color chart label on strip container
- Any other optional combination of test parameter strips or packing solutions (50 or 150 Test Strips/Kit) can be available
- The strips can be used for visual/manual test without machine or with the CYBOW urine chemistry analyzers



DFI CO., Ltd

388-25, Gomo-ro, Jillye-myeon, Gimhae-si,
Gyeongsangnam-do, 621-881, Korea
TEL : 82-55-3461882 FAX : 82-55-3461883
sales@cybow.com / www.cybow.com

